

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Thú y là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành thú y thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Thú y có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng:

a) Các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các nghị quyết, cơ chế, chính sách, dự án, đề án theo phân công của Bộ trưởng;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, công trình thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ ban hành quyết định, chỉ thị, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trình Bộ công bố và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về chuyên ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thông báo kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, đề án, dự án do Bộ quản lý cho từng địa phương, đơn vị sau khi được Bộ phê duyệt kế hoạch tổng thể về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn:

a) Trình Bộ trưởng ban hành danh mục các bệnh động vật phải công bố dịch; danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật, danh mục các bệnh phải áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc; danh mục các bệnh phải kiểm tra định kỳ và danh mục các bệnh cấm giết mổ động vật trong từng thời kỳ;

b) Trình Bộ trưởng quyết định công bố dịch bệnh động vật, các biện pháp phòng bệnh bắt buộc, xử lý động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh và công bố hết dịch theo thẩm quyền và quy định pháp luật;

c) Trình Bộ trưởng ban hành quy định điều kiện, thủ tục công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện việc phòng, chống dịch bệnh động vật; phục hồi môi trường sau khi dập tắt dịch bệnh động vật; điều tra, giám sát, phát hiện dịch bệnh động vật. Chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo thực hiện Chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

đ) Dự báo tình hình dịch bệnh động vật và các dịch bệnh lây từ động vật sang người. Hướng dẫn và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật lây sang người;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; thẩm định, công nhận và hủy bỏ công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra định kỳ dịch bệnh động vật, vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý, các cơ sở giống quốc gia;

i) Trình Bộ việc lập quỹ phòng chống dịch bệnh động vật và sử dụng dự trữ quốc gia về thuốc thú y, vật tư thú y. Thực hiện quản lý dự trữ quốc gia về thuốc thú y, vật tư thú y phục vụ phòng chống dịch bệnh động vật theo quy định;

k) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ trưởng về tình hình dịch bệnh động vật theo quy định;

l) Tham gia các chương trình phòng, chống dịch bệnh động vật trong khu vực và thế giới theo chỉ đạo của Bộ. Thực hiện nghĩa vụ thông tin, báo cáo dịch bệnh động vật cho các tổ chức quốc tế và các nước liên quan.

6. Về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản:

a) Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy sản trình Bộ trưởng: ban hành danh mục các bệnh động vật thủy sản phải công bố dịch; quyết định công bố dịch bệnh, các biện pháp phòng bệnh bắt buộc, xử lý động vật, sản phẩm động vật thủy sản mắc bệnh và công bố hết dịch; quy định điều kiện, thủ tục công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản; phê duyệt và triển khai thực hiện chương trình quốc gia về giám sát một số bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản; thẩm định, công nhận và hủy bỏ công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra phòng, chống dịch bệnh; phục hồi môi trường sau khi dập tắt dịch bệnh; điều tra, giám sát dịch bệnh thủy sản; chỉ đạo thực hiện việc chẩn đoán, xét nghiệm, xác định nguyên nhân, tác nhân gây bệnh; hướng dẫn điều trị một số bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản;

d) Xây dựng, ban hành tài liệu hướng dẫn các biện pháp khoanh vùng dập dịch, xử lý, khử trùng, tiêu độc môi trường nuôi trồng thủy sản;

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ trưởng về tình hình dịch bệnh thủy sản theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy sản trong hoạt động phòng, chống dịch bệnh thủy sản;

g) Tham gia các chương trình phòng, chống dịch bệnh thủy sản trong khu vực và thế giới theo chỉ đạo của Bộ. Thực hiện nghĩa vụ thông tin, báo cáo dịch bệnh động vật thủy sản cho các tổ chức quốc tế và các nước liên quan.

7. Về kiểm dịch động vật (không bao gồm thực hiện kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm):

a) Trình Bộ trưởng ban hành danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi Bộ ban hành;

b) Quyết định đình chỉ, cấm nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật vào Việt Nam từ các nước có dịch hoặc quá cảnh qua các nước có dịch bệnh nguy hiểm ở động vật hoặc các loài động vật xâm hại, có nguy cơ xâm hại; động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu từ nước xuất khẩu không tuân thủ các quy định của Việt Nam theo ủy quyền của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại cửa khẩu, ga, sân bay, bến cảng, bưu điện và vận chuyển trong nước đối với động vật, sản phẩm động vật theo phân cấp của Bộ và quy định pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

đ) Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật có nguồn gốc từ các cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý, các cơ sở giống quốc gia theo quy định;

e) Kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam đối với động vật, sản phẩm động vật qua các cửa khẩu, ga, sân bay, bến cảng và bưu điện theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của các tổ chức quốc tế hoặc thoả thuận song phương với nước nhập khẩu;

g) Trình Bộ trưởng ban hành quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật và mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; quản lý, cấp và thu hồi thẻ kiểm dịch động vật, biển hiệu kiểm dịch động vật. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi Bộ ban hành.

8. Về kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y (bao gồm cả thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý):

a) Trình Bộ trưởng ban hành quy trình kiểm soát giết mổ động vật, quy định về mẫu dấu kiểm soát giết mổ động vật, tem kiểm tra vệ sinh thú y; danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y, danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y, danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh thú y trong từng thời kỳ; trình tự, thủ tục kiểm tra vệ sinh thú y;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm soát giết mổ động vật; kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả việc xác định các yếu tố vi sinh vật, ký sinh trùng; các yếu tố lý học, hóa học và chất tồn dư độc hại) thuộc thẩm quyền quản lý và theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh con giống; nơi tập trung, nơi cách ly động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật; cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm động vật thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Đề xuất và chỉ đạo thực hiện các biện pháp xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng động vật, sản phẩm động vật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý và theo quy định pháp luật;

đ) Thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật, giám sát điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm động vật để xuất khẩu theo quy định.

9. Về quản lý thuốc thú y; chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản (trừ chế phẩm sinh học để xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản); vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản; nguyên liệu làm thuốc thú y, thú y thủy sản (sau đây gọi chung là thuốc thú y):

a) Trình Bộ ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Trình Bộ quy định việc nghiên cứu, kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm và thủ tục đăng ký, công nhận thuốc thú y được sản xuất, nhập khẩu, lưu hành tại Việt Nam;

c) Cho phép nhập khẩu thuốc thú y, vắc xin theo uỷ quyền của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

d) Hướng dẫn, giải quyết việc đăng ký lưu hành, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; sản xuất, chế thử, gia công, sang chai, đóng gói lại thuốc thú y;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và thực hiện việc kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y; kiểm tra chất lượng thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

g) Kiểm tra và giám sát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam sản xuất, chế thử, gia công, đóng gói lại, lưu hành, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y; xử lý, thu hồi thuốc thú y theo quy định;

h) Kiểm tra việc sử dụng thuốc thú y bổ sung trong thức ăn chăn nuôi.

10. Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách, đề án về giết mổ, vận chuyển, bảo quản, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật bảo đảm an toàn thực phẩm; các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình giám sát và đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định;

c) Kiểm tra, phân loại và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm động vật dùng để xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định;

d) Kiểm tra lô hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam (không bao gồm thực phẩm thủy sản xuất khẩu);

đ) Tham gia tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính sách pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm;

e) Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định;

g) Thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

11. Cấp, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề, giấy phép thuộc lĩnh vực thú y theo quy định. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về chứng chỉ hành nghề thú y.

12. Về khoa học công nghệ và môi trường:

a) Đề xuất, trình Bộ chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiên bộ công nghệ, kỹ thuật chuyên ngành thú y;

b) Chủ trì thẩm định đề cương, đề tài nghiên cứu; đặt hàng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện; nghiệm thu, quản lý kết quả và chỉ đạo triển khai kết

quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Cục;

c) Đánh giá và chỉ định phòng thử nghiệm, thực hiện chứng nhận hợp quy về chuyên ngành, lĩnh vực thú y theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

d) Quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ chuyên ngành thú y;

đ) Thực hiện quản lý về công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường chuyên ngành thú y theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

13. Chỉ đạo triển khai hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực thú y theo phân công của Bộ trưởng.

14. Đề xuất trình Bộ danh mục các chương trình, dự án đầu tư về thú y. Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ thẩm định các chương trình, dự án đầu tư về thú y; thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư được Bộ trưởng giao.

15. Thực hiện nhiệm vụ về thương mại, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

16. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về chuyên ngành thú y theo quy định.

17. Về hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế:

a) Xây dựng, trình Bộ chương trình, dự án hợp tác quốc tế về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Tham gia đàm phán để ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế về thú y; tổ chức thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế theo phân công của Bộ trưởng;

c) Tổ chức thực hiện hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế; các chương trình, dự án quốc tế tài trợ theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

18. Về cải cách hành chính:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của Cục theo chương trình cải cách hành chính của Bộ và chỉ đạo của Bộ trưởng;

b) Chỉ đạo rà soát, hệ thống hoá và đề xuất, xây dựng hệ thống thể chế, pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục;

c) Chỉ đạo hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Cục theo hướng phân công, phân cấp;

d) Đề xuất với Bộ về kiện toàn tổ chức, phương thức vận hành quản lý của bộ máy quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giao Cục quản lý thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; trình Bộ phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho chính quyền địa phương;

đ) Chỉ đạo thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính và cải cách thủ tục

hành chính, đổi mới phương thức làm việc, hiện đại hoá công sở, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Cục.

19. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Cục:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách, quy chuẩn kỹ thuật về cung ứng dịch vụ công; về thực hiện xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công;

b) Đề xuất với Bộ về quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lĩnh vực thú y;

c) Ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật, thời gian thực hiện cung ứng các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

20. Về thực hiện nhiệm vụ quản lý đối với hoạt động của hội, tổ chức phi Chính phủ theo phân công của Bộ trưởng:

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục; tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu việc đề xuất, phản biện của hội, tổ chức phi Chính phủ để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực thú y;

b) Kiến nghị việc xử lý các vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thú y;

c) Tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập Hội và Điều lệ Hội thuộc chuyên ngành được giao quản lý theo quy định.

21. Về tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật:

a) Trình Bộ trưởng dự thảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục; đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức thuộc Cục theo quy định;

b) Ban hành Quy chế làm việc của Cục; quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Cục (riêng các tổ chức có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ trước khi ký ban hành); ban hành điều lệ/quy chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức trực thuộc Cục; quyết định thành lập Tổ công tác của Cục; quyết định thành lập sau khi báo cáo được Bộ trưởng đồng ý về chủ trương và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Trạm Chẩn đoán, xét nghiệm thú y, Khu cách ly kiểm dịch động vật thuộc các tổ chức trực thuộc Cục theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

d) Xây dựng, trình Bộ đề án vị trí việc làm; quản lý biên chế công chức, cơ cấu công chức theo ngạch, số lượng viên chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Cục theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định giao biên chế công chức hành chính nhà nước; biên chế công chức và số lượng viên chức sự nghiệp; hợp đồng lao động 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị trực thuộc Cục trên cơ sở quyết định giao biên chế công chức và số lượng viên chức hàng năm của Bộ;

e) Quyết định cử công chức, viên chức, người lao động đi học tập, công tác ở nước ngoài theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ;

g) Quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc Cục;

h) Thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các đơn vị thuộc Cục;

i) Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm trong thực thi công vụ theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Bộ để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc nhiệm vụ của Cục theo quy định pháp luật;

l) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ;

m) Xây dựng, trình Bộ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực theo phân công của Bộ trưởng;

n) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

22. Về thanh tra, kiểm tra:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, phân cấp quản lý về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định;

b) Thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về thú y theo quy định của pháp luật;

c) Giải quyết hoặc tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức, công dân liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Cục; tổ chức việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý việc sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ thanh tra và biển hiệu thanh tra chuyên ngành đối với công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo quy định.

23. Về quản lý tài chính, tài sản:

a) Trình Bộ dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch ngân sách trung hạn của Cục;

b) Chịu trách nhiệm quyết toán các nguồn kinh phí do Cục trực tiếp quản lý; quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo phân cấp quản lý của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý việc thu, sử dụng phí, lệ phí, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y theo quy định của pháp luật.

24. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục:

a) Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Cục.

b) Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

- a) Văn phòng Cục;
- b) Phòng Kế hoạch;
- c) Phòng Tài chính;
- d) Phòng Thanh tra, Pháp chế;
- đ) Phòng Dịch tễ thú y;
- e) Phòng Kiểm dịch động vật;
- g) Phòng Quản lý thuốc thú y;
- h) Phòng Thú y cộng đồng;
- i) Phòng Thú y thủy sản.

3. Các cơ quan, chi cục trực thuộc:

- a) Cơ quan Thú y vùng I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- b) Cơ quan Thú y vùng II, trụ sở đặt tại thành phố Hải Phòng;
- c) Cơ quan Thú y vùng III, trụ sở đặt tại tỉnh Nghệ An;
- d) Cơ quan Thú y vùng IV, trụ sở đặt tại thành phố Đà Nẵng;
- đ) Cơ quan Thú y vùng V, trụ sở đặt tại tỉnh Đắk Lắk;
- e) Cơ quan Thú y vùng VI, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (trên cơ sở hợp nhất “Bộ phận thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh” và “Cơ quan Thú y vùng VI” thành tổ chức mới có tên là: “Cơ quan Thú y Vùng VI”);
- g) Cơ quan Thú y vùng VII, trụ sở đặt tại thành phố Cần Thơ;
- h) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lạng Sơn;
- i) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lào Cai;
- k) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Quảng Ninh.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

- a) Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- b) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- c) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương II, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh;
- d) Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- đ) Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương II, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Các tổ chức trực thuộc Cục Thú y quy định tại Khoản 3 và 4 Điều này có con dấu, tài khoản riêng và kinh phí hoạt động theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Thú y, Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, các Tổng cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN Bộ;
- Lưu: VT, TCCB (120b).TMĐ

